

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán
Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tuyến Quốc lộ 1A nối
Quốc lộ 217 kéo dài, huyện Hà Trung**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 về quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1559/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; số 1800/QĐ-UBND ngày 21/5/2020 của về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tuyến Quốc lộ 1A nối Quốc lộ 217 kéo dài, huyện Hà Trung;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3224/TTr-SGTVT ngày 04/8/2020 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tuyến Quốc lộ 1A nối Quốc lộ 217 kéo dài, huyện Hà Trung, kèm theo báo cáo kết quả thẩm định số 3223/SGTVT-TĐKHKT ngày 04/8/2020 và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tuyến Quốc lộ 1A nối Quốc lộ 217 kéo dài, huyện Hà Trung với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quy mô đầu tư xây dựng:

Cải tạo nâng cấp khoảng 1,03km đường giao thông hiện có đảm bảo quy mô

đường cấp V đồng bằng theo TCVN 4054:2005, có: vận tốc thiết kế $V_{tk}=40\text{km/h}$; chiều rộng nền đường $B_n=7,5\text{m}$, chiều rộng mặt đường $B_m=5,5\text{m}$; mặt đường bê tông nhựa có môđun đàn hồi yêu cầu $E_{yc}\geq 133\text{Mpa}$.

Công trình cầu bằng BTCT tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ $3\times 10^{-3}\text{Mpa}$, tần suất thiết kế $P=4\%$; cống thoát nước bằng BTCT tải trọng H30-XB80.

2. Giải pháp thiết kế:

2.1. Bình đồ, hướng tuyến: Tuân thủ theo hướng tuyến thiết kế cơ sở đã được phê duyệt. Gồm có 02 đoạn tuyến.

- Tuyến chính dài 633,40m: Điểm đầu Km0, giao với Quốc lộ 1A tại Km300+920; điểm cuối Km0+625,17 giao với Quốc lộ 217 kéo dài; tuyến đi theo đường cũ hiện tại

- Tuyến nhánh dài 393,89m: Điểm đầu Km0, giao với tuyến chính tại Km0+209,49; điểm cuối Km0+393,89 (cống cửa phai qua kênh thủy nông).

Toàn tuyến có 11 đường cong, có 01 đường cong nằm bán kính $R_{\min}=30\text{m}$.

2.2. Trắc dọc tuyến:

Cao độ thiết kế trên cơ sở tần suất thủy văn tính toán $P=4\%$; các điểm khống chế (Quốc lộ 1A, Quốc lộ 217 kéo dài, cầu qua kênh Chiếu Bạch, cống cửa phai cuối tuyến nhánh). Tuyến đi qua khu dân cư, địa hình tương bằng phẳng, độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max}=2,81\%$.

2.3. Trắc ngang tuyến:

- Nền đường rộng $B_n=7,5\text{m}$; mặt đường rộng $B_m=5,5\text{m}$; lề đất $B_l=2\times 1\text{m}=2\text{m}$.
- Dốc ngang mặt đường và gia cố lề $i_m=2\%$, lề đất $i_l=4\%$.
- Tại các vị trí bố trí rãnh dọc, tường chắn, mặt đường được mở rộng ra đến mép rãnh dọc và tường chắn.

2.4. Nền đường:

Toàn tuyến cơ bản là nền đắp thông thường, gia cố mái taluy bằng trồng cỏ; độ dốc mái taluy đắp 1/1,5; nền đường đắp bằng đất đồi đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật đạt độ chặt $K\geq 0,95$, lớp trên cùng dày 50cm đạt độ chặt $K\geq 0,98$.

Đoạn Km0+040-Km0+192 (trái tuyến) và Km0+125-Km0+134 (phải tuyến), thiết kế tường chắn trọng lực bằng BTXM M200; đỉnh tường chắn bố trí tường hộ lan, sơn phản quang màu đỏ, trắng đảm bảo ATGT, tường hộ lan được phân đoạn cách nhau 0,5m để thoát nước mặt đường.

2.5. Kết cấu áo đường: Mặt đường bằng bê tông nhựa có môđun đàn hồi yêu cầu $E_{yc}\geq 135\text{MPa}$; cụ thể:

- Kết cấu áo đường phân làm mới, gồm các lớp từ trên xuống: Mặt đường bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²; láng nhựa 1 lớp TCN 1,8kg/m²; móng lớp trên bằng đá 4x6 chèn đá dăm dày 12cm; móng lớp dưới bằng đá 4x6 dày 24cm (chia làm 02 lớp); lớp đất sát móng đường đắp bằng đất đồi đạt độ chặt $K\geq 0,98$ dày 50cm

- Kết cấu áo đường trên đường cũ, gồm các lớp từ trên xuống: Mặt đường bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhựa nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²; lán nhựa 1 lớp TCN 1,8kg/m²; móng lớp trên bằng đá 4x6 chèn đá dăm dày 12cm; móng lớp dưới bằng đá 4x6 dày 12cm; bù phụ mặt đường cũ bằng đá 4x6.

2.6. Thoát nước mặt: Thoát nước mặt đường bằng chảy tỏa và rãnh dọc. Đối với những vị trí qua khu dân, tãnh dọc bằng BTCT M250 đúc sẵn, tiết diện chữ nhật, chiều rộng lòng rãnh B=0,5m, tấm đan nắp rãnh bằng BTCT M300 lắp ghép kết hợp bó vỉa. Thu nước mặt đường qua các lỗ trên tấm đan; hố thu được bố trí với cự ly trung bình 30m/hố, kết cấu bằng BTCT M250, kích thước 0,5x1,0m.

Những vị trí rãnh dọc qua đường ngang bố trí tấm đan chịu lực, không bó vỉa; trên đỉnh rãnh phủ lớp BTXM M300 dày 6cm.

2.7. Cống thoát nước ngang: Toàn tuyến có 03 cống bản KĐ=1,0m. Chiều dài cống bằng bề rộng nền đường. Móng đặt trên nền thiên nhiên; kết cấu móng, tường cánh, sân thượng hạ lưu bằng BTXM M150; thân cống BTXM M150, tấm bản BTCT M300, lớp phủ bản BTXM M300.

2.8. Nút giao, đường ngang:

- Toàn tuyến có 03 nút giao là các giao cắt hiện có, cụ thể: đầu tuyến chính Km0+00 giao với QL.1A tại Km300+920; cuối tuyến chính Km0+633,40 giao với đường Quốc lộ 217 kéo dài; giữa tuyến chính với tuyến nhánh tại Km0+209,49 (lý trình tuyến chính). Các nút giao dạng giao bằng đơn giản, bán kính vượt nổi theo hiện trạng; kết cấu nền mặt đường như kết cấu chung của tuyến; tổ chức giao thông bằng biển báo, gờ giảm tốc và đèn chớp cảnh báo.

- Đường ngang, đường giao dân sinh: Được vượt nổi với tuyến chính đảm bảo độ dốc dọc $I \leq 4\%$, chiều rộng mặt đường lớn hơn hoặc bằng mặt đường cũ, bán kính vượt nổi theo hiện trạng; mặt đường vượt nổi bằng BTXM M300.

2.9. An toàn giao thông: Bố trí biển báo, gờ giảm tốc theo đúng quy định tại QCVN 41:2019/BGTVT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

2.10. Cầu tại Km0+157,1 bắc qua kênh Chiếu Bạch, cầu bằng BTCT và BTCTDUL theo TCVN11823-2017; tải trọng thiết kế: HL93, người đi bộ 3.10⁻³ MPa; tần suất thiết kế P=4%; động đất cấp VII theo thang MSK-64; bề rộng cầu Bc=(0,5+7+0,5)m=8m.

a) Kết cấu phần trên: gồm 01 nhịp dầm bản rỗng BTCT DUL 40MPa giản đơn, chiều dài dầm L=18m; mặt cắt ngang cầu gồm 08 phiến dầm, khoảng cách các dầm chủ a=1m. Gối cầu bằng cao su cốt bản thép; khe co giãn bằng thép có băng chặn nước. Mặt cầu: bản mặt cầu bằng BTCT 30MPa dày 15cm, lớp phòng nước dạng dung dịch, lớp phủ bản mặt cầu bằng BTNC19 dày 7cm. Gờ chân lan can bằng BTCT 25Mpa, tay vịn bằng thép mạ kẽm nhúng nóng. Ống thoát nước mặt cầu bằng gang đúc kết hợp ống nhựa.

b) Kết cấu phần dưới:

- Hai móng giống nhau bằng BTCT30Mpa dạng móng nhẹ, móng móng đặt trên hệ cọc khoan nhồi D=1m, mỗi móng bố trí 3 cọc, chiều dài cọc dự kiến L=37m.

- Lòng mố đắp đất đòi nhiều sỏi sạn đạt độ chặt $K \geq 0,98$, nối tiếp giữa cầu và đường bằng bản quá độ BTCT 25Mpa; tứ nón hai mố cầu được gia cố bằng BTXM 12Mpa, chân khay BTXM 12Mpa.

c) Đường sau mố: Dài 10 (tính từ đuôi mố) có $B_n=9m$; $B_m=7m$; lề đất $2 \times 1=2m$ được vuốt về $B_n=7,5m$; $B_m=6,50m$ trên đoạn dài 15m; nền, mặt đường, rãnh thoát nước có kích thước, kết cấu như kết cấu chung của tuyến.

(Chi tiết có hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo).

2. Tổ chức thi công chủ đạo: Nội dung cụ thể như Tờ trình số 3224/TTr-SGTVT ngày 04/8/2020 của Sở Giao thông vận tải.

3. Tổng dự toán: 18.425.487.000 đồng (Mười tám tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng); trong đó:

- Chi phí xây dựng: 15.470.222.000 đồng;
- Chi phí Quản lý dự án 387.459.000 đồng;
- Chi phí TVĐT xây dựng: 1.214.421.000 đồng;
- Chi phí khác: 180.225.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 1.173.160.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

Điều 2. UBND huyện Hà Trung tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong quá trình triển khai, tiếp thu và thực hiện đầy đủ ý kiến của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 3223/SGTVT-TĐKHKT ngày 04/8/2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Hà Trung; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (H'31.288, 31.294).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG DỰ TOÁN

**Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tuyến Quốc lộ 1A nối
Quốc lộ 217 kéo dài, huyện Hà Trung**

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng.

TT	Hạng mục chi phí	Kinh phí
I	Chi phí xây dựng	15.470.222.000
II	Chi phí Quản lý dự án	387.459.000
III	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng	1.214.421.000
1	Lập nhiệm vụ KS bước BC NCKT	6.379.000
2	Chi phí GS KS lập Báo cáo NCKT	8.658.000
3	Chi phí khảo sát lập Báo cáo NCKT	193.293.000
4	Chi phí lập Báo cáo NCKT	99.905.000
5	Chi phí lập cấm cọc GPMB và MLG	39.499.000
6	Chi phí lập nhiệm vụ KS bước BVTC	2.147.000
7	Chi phí giám sát khảo sát bước BVTC	2.914.000
8	Chi phí khảo sát bước lập BVTC	71.550.000
9	Chi phí lập thiết kế BVTC và dự toán	204.980.000
10	Chi phí GS thi công xây dựng	463.951.958
11	Chi phí lập kế hoạch BVMT	50.000.000
12	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm công trình)	46.720.000
13	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT các gói thầu TVĐT	7.942.000
14	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	15.509.000
15	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT các gói thầu TVĐT	973.000
IV	Chi phí khác	180.255.000
1	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	91.955.000
2	Chi phí bảo hiểm công trình	38.676.000
3	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN trong quá trình thực hiện	30.000.000
4	Phí thẩm định DA đầu tư xây dựng	4.505.000
5	Phí thẩm định thiết kế BVTC	7.665.000
6	Phí thẩm định dự toán xây dựng	7.454.000
V	Chi phí dự phòng	1.173.160.000
1	Cho yếu tố khối lượng	862.618.000
2	Cho yếu tố trượt giá	310.542.000
TỔNG CỘNG		18.425.517.000